

PHIẾU BÀI TẬP - BẢNG CHIA 2

(Học sinh làm bài trực tiếp vào phiếu)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép tính $14 : 2$ là:

- A. 6 B. 7 C. 8 D. 9

Câu 2 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả **nhỏ nhất** là:

- A. $12 : 2$ B. $18 : 2$ C. $6 : 2$ D. $20 : 2$

Câu 3 Cho dãy số: **16, 14, 12,,,, 4, 2**. Các số thích hợp điền vào chỗ chấm lần lượt là:

- A. 11, 10, 9 B. 10, 9, 8 C. 10, 8, 6 D. 8, 6, 4

Câu 4 Số thích hợp điền vào ô trống là:

$$\boxed{2} \times \boxed{4} = \boxed{?} : \boxed{2}$$

- A. 12 B. 14 C. 16 D. 18

Câu 5 Hà đếm được trong chuồng thỏ có tất cả **18 cái tai thỏ**. Biết mỗi con thỏ có 2 cái tai. Vậy số con thỏ có ở trong chuồng là:

- A. 8 con thỏ B. 9 con thỏ C. 10 con thỏ D. 11 con thỏ

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1 Tính nhẩm:

$$\begin{array}{ll} 6 : 2 = & 16 : 2 = \\ 10 : 2 = & 20 : 2 = \\ 14 : 2 = & 18 : 2 = \end{array}$$

Bài 2 Tính (theo mẫu):

$$14 \text{ cm} : 2 = \quad 8 \text{ dm} : 2 = \quad 18 \text{ kg} : 2 = \quad 12 \text{ l} : 2 =$$

Bài 3 Số?

$$\boxed{} : 2 = 6 \quad \boxed{} : 2 = 8 \quad \boxed{} : 2 = 9 \quad \boxed{} : 2 = 3$$

Bài 4 Quan sát tranh và viết phép tính thích hợp:

a. Mẹ có **12 cái kẹo**, chia đều vào 2 túi.

Mỗi túi có bao nhiêu cái kẹo?

Phép chia: $\boxed{} : \boxed{} = \boxed{}$

b. Lớp 2A có **18 bạn**, xếp đều thành 2 hàng.

Mỗi hàng có bao nhiêu bạn?

Phép chia: : =

c. Có **14 bánh xe**. Mỗi xe đạp cần 2 bánh.

Lắp được mấy chiếc xe đạp?

Trả lời:

Bài 5 Điền dấu >, <, = vào ô trống:

$12 : 2 \quad \square \quad 5$

$18 : 2 \quad \square \quad 10$

$16 : 2 \quad \square \quad 8$

$14 : 2 \quad \square \quad 2 \times 3$

Bài 6 Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Tóm tắt:

Có: 12 chiếc tất (vớ)

Mỗi đôi: 2 chiếc

Có: đôi tất?

Bài giải

.....

.....

.....

Đáp số: đôi tất.

Bài 7 Giải bài toán:

Bác Hai vừa mua được **10 con cá cảnh** rất đẹp. Bác muốn chia đều số cá này vào 2 bể cá nhỏ. Hỏi mỗi bể có mấy con cá?

Bài giải

.....

.....

.....

Đáp số: con cá.